

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở
Riverview Lương Sơn, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng 1/5.000 thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Văn bản số 1385/UBND-NNTN ngày 06/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Khu nhà ở Riverview Lương Sơn, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư Khu nhà ở Riverview Lương Sơn, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Riverview Lương Sơn, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 802/TTr-SXD ngày 30/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Riverview Lương Sơn, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Riverview Lương Sơn, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn.

2. Nhà đầu tư đề xuất lập quy hoạch: Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông.

3. Quy mô, địa điểm, ranh giới dự án

3.1. Quy mô diện tích: 8,64ha .

3.2. Địa điểm: Tại xóm Mỏ, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn.

3.3. Phạm vi ranh giới:

- Phía Bắc: Giáp khu dân cư phố chợ Lương Sơn, khu nhà ở xóm Mỏ.
- Phía Nam: Giáp ruộng xóm Mỏ và sông Bùi.
- Phía Đông: Giáp ruộng xóm Mỏ và sông Bùi.
- Phía Tây: Giáp khu dân cư phố chợ Lương Sơn, suối Đồng Bái và đất nông nghiệp.

4. Mục tiêu, tính chất của đồ án

4.1 Mục tiêu:

- Cụ thể hóa đồ án Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;
- Xây dựng một khu nhà ở mới đồng bộ, hiện đại; đảm bảo sự phát triển đồng bộ cho khu nhà ở mới với các dự án và khu dân cư lân cận.

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, các yêu cầu về không gian, kiến trúc, thiết kế đô thị và những yêu cầu khác đối với từng khu vực thiết kế (diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình, vị trí quy mô các công trình ngầm, quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị);

- Là cơ sở để quản lý hiệu quả đất đai, quản lý đầu tư, quản lý quy hoạch xây dựng tại thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

4.2. Tính chất: Là khu dân cư mới, hiện đại được đầu tư đầy đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ.

5. Quy hoạch sử dụng đất

Khu vực lập quy hoạch có diện tích 86,489ha; bố trí các khu chức năng bao gồm các khu ở, công cộng, thương mại dịch vụ, công viên cây xanh và hệ thống giao thông, cụ thể:

- Đất ở có tổng diện tích 43243m², chiếm tỷ lệ 50% bao gồm đất ở nhà liền kề, đất ở biệt thự và đất ở hiện trạng.

+ Đất ở liền kề có tổng diện tích 19083m², mật độ xây dựng tối đa 80%, số tầng cao tối đa 5 tầng, hệ số sử dụng đất tối đa 4 lần. Chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ, khoảng lùi sau nhà 1,0m;

+ Đất ở biệt thự có tổng diện tích 18288m², mật độ xây dựng tối đa 60%, số tầng cao tối đa 3 tầng, hệ số sử dụng đất tối đa 1,8 lần. Chỉ giới xây dựng lùi 3m so với chỉ giới đường đỏ;

+ Đất ở hiện trạng có tổng diện tích 5.871m² được giữ nguyên, cải tạo chỉnh trang.

- Đất công cộng gồm có diện tích 2296m², chiếm tỷ lệ 2,65%, mật độ xây dựng tối đa 40%, số tầng cao tối đa 02 tầng, hệ số sử dụng đất tối đa 0,8 lần. Chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 4m so với chỉ giới đường đỏ;

- Đất thương mại - dịch vụ có diện tích 2200m², chiếm tỷ lệ 2,54%, mật độ xây dựng tối đa 40%, số tầng cao tối đa 3 tầng, hệ số sử dụng đất tối đa 1,2 lần. Chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 4m so với chỉ giới đường đỏ;

- Đất cây xanh có diện tích 10624m², chiếm tỷ lệ 12,28%;

- Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật có diện tích 28128m², chiếm 32,52%.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	43.243	50,00
1.1	Đất ở liền kề	19.083	22,06
1.2	Đất ở biệt thự	18.288	21,15
1.3	Đất ở hiện trạng (cải tạo chỉnh trang)	5.871	6,79
2	Đất công cộng	2.296	2,65
3	Đất thương mại dịch vụ	2.200	2,54
4	Đất cây xanh	10.624	12,28
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	406	0,47
6	Đất giao thông	27.722	32,05
	TỔNG	86.489,00	100

6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị

6.1. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan được phát triển từ các trục giao thông chính trong khu vực theo đồ án quy hoạch chung thị trấn Lương Sơn, đảm bảo thống nhất và kết nối hài hòa với khu dân cư phố chợ Lương Sơn và khu dân cư xóm Mô;

- Các trục giao thông nội bộ được bố trí theo hướng vuông góc và song song với các trục giao thông chính tạo ra hệ thống giao thông hoàn chỉnh và thuận lợi, đảm bảo kết nối hạ tầng đến từng lô đất;

- Tại các lô đất ở bố trí xen kẽ các khu vực cây xanh, vườn hoa để tăng không gian xanh nâng cao chất lượng khu ở và điều hòa vi khí hậu của từng khu vực. Điểm nhấn tại các tuyến phố là các căn lô góc được thiết kế nổi bật, điểm nhấn cho toàn khu vực là công trình trung tâm thương mại dịch vụ, vui chơi giải trí và công viên cây xanh ở khu vực trung tâm đồ án.

6.2. Thiết kế đô thị:

- Xác định điểm nhấn trong khu vực quy hoạch là các công trình trung tâm thương mại và công trình công cộng được bố trí ở khu vực phía Tây, trung tâm và phía Đông của khu đất.

- Xác định chiều cao xây dựng công trình:

+ Cao độ nền xây dựng, chiều cao các tầng đảm bảo thống nhất, đồng đều trên mặt đứng các dãy nhà, đoạn phố. Độ vươn của các chi tiết kiến trúc như mái đón, mái hè phố, bậc thềm, ô văng và các gờ, chỉ, phào... đảm bảo tính thống nhất và mối tương quan với các công trình lân cận cho từng dãy nhà, đoạn phố, phù hợp với tiêu Quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế và quy định có liên quan.

+ Các công trình biệt thự cao 3 tầng, tối đa không quá 15m; công trình nhà ở liền kề cao 5 tầng, tối đa không quá 22 m; công trình thương mại dịch vụ cao 3 tầng, tối đa không quá 15m; công trình công cộng gồm nhà văn hóa và nhà trẻ cao 2 tầng, tối đa không quá 10m.

- Xác định khoảng lùi của công trình: Tuân thủ khoảng lùi tối thiểu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam, quy định quản lý kiến trúc xây dựng của địa phương đảm bảo tính thống nhất trên toàn tuyến; khoảng lùi tối thiểu đối với công trình nhà ở là $0 \div 3\text{m}$, công trình công cộng là 4m.

- Xác định hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc:

+ Biệt thự và nhà liền kề xây dựng theo phong cách hiện đại, màu sắc công trình tươi sáng với các màu như trắng, vàng be, nâu trầm. Tận dụng tối đa vật liệu địa phương như đá và gỗ thân thiện với môi trường. Kết hợp không gian cây xanh riêng từng ô đất và không gian cây xanh chung của toàn khu tạo nên không gian sống hài hòa với tự nhiên;

+ Công trình văn hoá, giáo dục, dịch vụ thương mại hình thức kiến trúc hiện đại, màu sắc phù hợp với cảnh quan khu vực, tạo điểm nhấn cho toàn bộ khu ở.

- Hệ thống cây xanh, mặt nước và không gian mở:

+ Lựa chọn một số loại cây xanh trong thiết kế đô thị sẵn có của địa phương như cây bàng Đài Loan, cây thông, vạn tuế, cây sưa, cau vàng, cỏ lá tre và một số loại cây thủy sinh như thủy trúc, bèo bồng, cỏ lác;

+ Khoảng cách trồng cây ven đường đối với trục đường có hè đường nhỏ hơn 5m, khoảng cách hai cây không vượt quá 10m, cách lề đường tối thiểu 0,5m, đảm bảo quy định tại phụ lục I, Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20/12/2005 của Bộ Xây dựng.

7. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại gồm:

+ Đường dọc và ngang kết nối với đường liên khu vực phía Tây, ký hiệu mặt cắt 1-1 rộng 16,0m, lòng đường rộng 7,0m, hè đường rộng $4,5 \times 2 = 9,0\text{m}$.

+ Đường phía Tây Nam khu vực đấu nối cầu qua sông Bùi đang thi công (theo quy hoạch chung được duyệt) mặt cắt 4-4 rộng 24,0m, lòng đường rộng 15,0m, hè đường rộng $3,0 \times 2 = 6,0\text{m}$, dải phân cách rộng 3,0m;

- Đường giao thông đối nội gồm:

+ Đường có mặt cắt 2-2 rộng 13,0m, lòng đường rộng 7,0m, hè đường rộng $3,0 \times 2 = 6\text{m}$.

+ Đường có mặt cắt 5-5 rộng 12,0m, lòng đường rộng 7,0m, hè đường một bên rộng 3m, một bên rộng 2m.

+ Đường kết nối theo hướng tuyến lên cầu hiện có ký hiệu mặt cắt 3-3 rộng 16,0m, lòng đường rộng 10,0m, hè đường rộng $3,0 \times 2 = 6\text{m}$.

- Chỉ tiêu kỹ thuật đường giao thông:

+ Tổng chiều dài đường: 1,83 km;

+ Tổng diện tích giao thông: 2,82 ha.

- Tại các ngã giao nhau giữa các đường trục chính, các đường khu vực, bán kính bó vỉa thiết kế từ $8 \div 12\text{m}$;

- Tại các ngã giao nhau giữa các đường khu vực, các đường nội bộ, bán kính bó vỉa thiết kế từ $\geq 6\text{m}$;

+ Độ dốc ngang mặt đường thiết kế là 2%, độ dốc ngang hè đường là 1,5%;

+ Độ dốc dọc đường thiết kế $0,0 \leq i \leq 0,006$;

- Bán kính đường cong bằng các tuyến đường đảm bảo $R \geq 50\text{m}$, đối với đường nội bộ $R \geq 15\text{m}$.

- Chỉ giới đường đỏ được xác định trên mặt cắt cụ thể từng tuyến, được thể hiện cụ thể trên bản vẽ "Quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng bản vẽ ký hiệu QH06";

- Chỉ giới xây dựng đối với công trình nhà ở khoảng lùi là $0\text{m} \div 3\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ. Đối với công trình công cộng khoảng lùi tối thiểu 4m so với chỉ giới đường đỏ.

7.2. Quy hoạch san nền:

Lựa chọn cao độ thiết kế cho khu vực như sau:

- Cao độ xây dựng tối thiểu + 12,50m;

- Cao độ xây dựng tối đa + 13,50m;

- Hướng dốc khu vực quy hoạch được thiết kế theo hướng từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông; độ dốc nền $0,00 \leq i_d \leq 0,01$;

- San nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế, chênh cao giữa hai đường đồng mức $\Delta h = 0,10\text{m}$;

7.3. Quy hoạch thoát nước mưa:

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng độc lập hệ thống thoát nước thải;

- Nước mưa được thu gom về lưu vực 1 (khu vực nhà liền kề, biệt thự) phía Đông của đồ án và lưu vực 2 (khu vực nhà liền kề, trung tâm thương mại và nhà ở hiện trạng) phía Tây của đồ án, từ đó đổ về các mương và suối quanh khu vực lân cận; bố trí các điểm chờ đầu nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực theo đồ án quy hoạch chung được duyệt;

- Mạng lưới thu gom nước mưa thiết kế phân nhánh bao gồm hệ thống các giếng thu nước mặt, các tuyến cống tròn BTCT đường kính $D600 \div D800\text{mm}$ bố trí dọc theo các trục giao thông, thoát ra mạng lưới thoát nước khu vực;

- Toàn bộ hệ thống cống thoát nước cho các đường nội bộ, đường vào nhà được bố trí dưới vỉa hè đường giao thông. Độ dốc dọc cống lấy theo độ dốc dọc đường đảm bảo thoát nước tự chảy;

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt khoảng $600 \text{ m}^3/\text{ngđ}$;
 - Nguồn nước cấp cho khu vực quy hoạch sử dụng nguồn cấp nước sạch từ Trạm xử lý nước sạch xã Tân Vinh, công suất hiện tại $2500 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, định hướng năm 2035 là $21000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$;

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp mạng nhánh đảm bảo cấp nước cho toàn bộ đồ án;

- Ống cấp nước thiết kế sử dụng ống HDPE, được đặt dưới hè đường, những đoạn qua đường tùy thuộc vào chiều sâu sẽ được đặt trong ống lồng bảo vệ. Chiều sâu chôn ống cấp nước chính $H_{\min} = 0,5\text{m}$ so với mặt hè và $\geq 0,7\text{m}$ đối với lòng đường (tính đến đỉnh ống);

- Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế chung với hệ thống cấp nước sinh hoạt. Trụ cứu hỏa được đầu nối với ống HDPE có đường kính D100-D160 bố trí cách nhau 120-150m, tại các vị trí thuận tiện như ngã ba ngã tư gần các công trình.

7.5. Quy hoạch cấp điện và điện chiếu sáng:

- Tổng nhu cầu sử dụng điện dự kiến là 2050 KVA.
 - Nguồn điện cấp cho khu vực được đầu nối từ đường dây 35KV có sẵn tại ranh giới khu vực, đường dây 35KV được cấp từ trạm biến áp xã Tân Vinh.

- Lưới điện trung áp:
 + Xây dựng mới các lộ cáp 35KV cấp cho khu vực, sử dụng loại cáp ngầm chống thấm XLPE 240mm²;
 + Thiết kế hạ ngầm và hoàn trả tuyến điện 35kV đi qua khu vực quy hoạch theo quy định;

- Lưới điện hạ áp:
 + Thiết kế các tuyến cáp hạ thế 0,4KV theo dạng hình tia đi ngầm trong rãnh cáp dẫn điện từ trạm 35/0,4kv đến các tủ điện hạ áp cấp điện cho từng phụ tải dùng điện;

+ Mạng lưới 0,4KV dùng cáp ngầm lõi đồng CU/XLPE/DSTA/PVC đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng;

+ Bán kính phục vụ mạng lưới hạ thế khoảng 300m;
 + Bố trí các tủ điện hạ thế trên hè đường tại các cụm căn hộ và công trình để chờ đầu nối cấp điện cho các đối tượng sử dụng điện.

- Trạm biến áp: Bố trí 2 trạm biến áp (TBA 01 có 02 máy 560KVA, TBA 02 có 01 máy 1000KVA). Các trạm biến áp sử dụng loại trạm kios hợp khối hoặc trạm xây có màu sắc phù hợp với các công trình xung quanh và bố trí tại trung tâm phân vùng phụ tải.

- Lưới điện chiếu sáng:

+ Các tuyến đường được chiếu sáng bằng đèn cao áp bóng Sodium công suất (150-250)W- 220V, cột thép 8-12m. Đối với đường có chiều rộng $\leq 7,0\text{m}$ chiếu sáng một bên, đường rộng hơn 10m chiếu sáng hai bên, đảm bảo độ chói trung bình đạt 0,8 - 1 Cd/m²;

+ Tuyến cáp đi ngầm dưới vỉa hè và cách mặt hè tối thiểu 0,5m, các vị trí không đảm bảo khoảng cách phải được luồn trong ống thép mạ kẽm qua đường.

7.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu nước thải trung bình là 520m³/ngđ;

- Hệ thống thoát nước thải là hệ thống riêng, độc lập với hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy;

- Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trong từng công trình trước khi chảy vào hệ thống thoát nước thải chung của toàn bộ khu vực và dồn về trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1 công suất 3.000m³/ngđ đến 5.000m³/ngđ được bố trí xây dựng ở phía Nam thôn Hạnh Phúc giáp sông Bùi (Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Hòa Bình); Giải pháp xử lý nước thải tạm thời: Trong thời gian đầu hình thành dự án, sử dụng công nghệ xử lý nước thải theo phương pháp sinh học bằng bồn composite tập trung theo 1 modul xử lý khoảng 100-200m³/ngày.đêm đặt tại góc khu vực phía Đông, nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn quy định sẽ được thoát ra hệ thống thoát nước mưa của đồ án.

- Thoát nước thải sử dụng rãnh có kích thước 350x500 mm, kết hợp với các tuyến cống tròn D400 qua đường; thoát nước thải cao áp từ trạm bơm sử dụng cống đường kính D150÷D600mm;

- Trên mạng lưới thoát nước thải bố trí các hố ga thu thăm, khoảng cách trung bình 20÷30m/ga.

7.7. Quy hoạch chất thải rắn (CTR):

- Chỉ tiêu tính toán: 0,9kg/người/ngđ;

- Lượng chất thải rắn cho toàn bộ khu vực: 1,26 tấn/ngđ;

- Chất thải rắn được phân loại tại nguồn thải bằng các thùng rác kép (gồm 1 thùng đựng chất thải rắn hữu cơ màu xanh và 1 thùng đựng chất thải rắn vô cơ màu vàng) để dễ dàng phân loại và tái chế khi thu gom;

- Chất thải rắn được thu gom hằng ngày bằng xe chuyên dụng vận chuyển đến trạm trung chuyển chất thải rắn tập trung đặt gần trung tâm thương mại phía Tây của đồ án;

- Chất thải rắn của khu vực từ trạm trung chuyển được vận chuyển và xử lý tại khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt của huyện Lương Sơn.

7.8. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Hệ thống thông tin liên lạc của đồ án được đấu nối qua hệ thống cáp thông tin liên lạc chung của thị trấn Lương Sơn;

- Tổng dung lượng dự kiến 660 lines;

- Bố trí các tuyến cáp đi ngầm chạy dọc trên vỉa hè của các đường giao thông và ống chờ luồn cáp thông tin đặt theo mép các trục đường.

8. Đánh giá môi trường chiến lược

Phương án quy hoạch đã đưa ra được tất cả các giả thiết về sự ảnh hưởng đến môi trường của đồ án; giải pháp thu gom xử lý nước thải, chất thải rắn, ngăn ngừa tối đa sự ảnh hưởng của phương án quy hoạch đến môi trường. Giải pháp về quy hoạch kiến trúc cảnh quan, quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật hợp lý, tận dụng tối đa môi trường sinh thái, giảm thiểu sự phá vỡ cân bằng tự nhiên.

9. Tổng mức đầu tư và phân kỳ đầu tư

- Tổng kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật và giải phóng mặt bằng dự kiến: 157,74 tỷ đồng.

- Phân kỳ đầu tư theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên như sau:

- + Đợt đầu: Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- + Đợt hai: Xây dựng đồng bộ các công trình hỗn hợp, cây xanh và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- + Đợt ba: Xây dựng nhà ở.

10. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo Tờ trình số 802/TTr-SXD ngày 30/3/2020 của Sở Xây dựng.

11. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan công bố công khai đồ án quy hoạch để nhân dân trong khu vực biết và thực hiện (kinh phí cho công tác công bố đồ án quy hoạch do Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông chịu trách nhiệm).

- Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lương Sơn; Giám đốc Công ty Cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TT phục vụ hành chính công;
- Chánh VP/UBND tỉnh;
- Phó Chánh VP/UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Anh;
- Lưu: VT, CNXD (Đ16).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khánh